



gōng gòng qì chē

公共汽车

Noun · bus

Example Sentences

wǒ zuò gōng gòng qì chē qù xué xiào
我坐公共汽车去学校。

I take the bus to school.

wǒ měi tiān zuò gōng gòng qì chē qù shàng bān
我每天坐公共汽车去上班。

I take the bus to work every day.

qǐng wèn qù gōng yuán zuò nǎ lù gōng gòng qì chē
请问，去公园坐哪路公共汽车？

Excuse me, which bus should I take to go to the park?

Trace each character, then write the word on your own.

公	公	公	公	公	公	公								
共	共	共	共	共	共	共	共	共						
汽	汽	汽	汽	汽	汽	汽	汽	汽	汽					
车	车	车	车	车	车	车								